

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đại Nghĩa
2. Ông Nguyễn Đức Bằng.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST – DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994.

Nơi ĐKNKTT: Số 87/3 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ tạm trú: Xóm 3, thôn Đ, xã HĐ, huyện H, tỉnh Bình Định.

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 87/3 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Chị H và anh Nguyễn Đức H quen biết yêu thương, tìm hiểu nhau được hơn 01 năm rồi đi đến kết hôn, có đăng ký và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/5/2015.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình chồng tại ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không

hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Anh H không lo làm ăn, không có việc làm ổn định mà thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, đánh bạc. Khi không đủ tiền chơi đánh bài thì anh H cầm cố tài sản như xe máy để lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng giữa năm 2017 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra bất hòa, dẫn đến cãi nhau và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Anh H lại thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị H có tình cảm với người đàn ông khác. Trong khi chị H xác định chỉ là những mối quan hệ trong công việc làm ăn của chị. Bản thân chị H đã nhiều lần giải thích nhưng anh H không nghe, thậm chí vợ chồng còn xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Do không thể chung sống với anh H nên từ cuối năm 2017 chị đã bỏ nhà chồng đi nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh H không còn sự quan tâm đến nhau, anh H có có một vài lần gọi điện cũng chỉ để gây gổ rồi cãi nhau. Gia đình hai bên cũng không thể nói chuyện hòa giải cho anh chị. Chị H xác định không còn tình cảm để chung sống với anh H, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị Hằng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thừa nhận quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn như đúng như trình bày của chị H, đây là hôn nhân lần đầu của cả anh H và chị H. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mặc dù cũng có mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên trầm trọng kể từ năm 2017. Theo anh, do chị H có biểu hiện không chung thủy trong quan hệ vợ chồng như thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại cho cùng một số điện thoại, khi anh H hỏi thì chị H không thừa nhận làm cho anh thường nghi ngờ dẫn đến cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vào tháng 12/2017 khi anh đang đi làm tại Long Thành thì ở nhà chị H tự ý dọn đồ đạc bỏ đi nơi khác sống và có để lại cho anh một lá thư với nội dung dừng tìm kiếm chị H. Cũng từ tháng 12/2017 thì anh H đã nhiều lần liên hệ để tìm kiếm chị H, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tìm thấy. Có một vài lần anh gọi điện liên lạc nhưng giữa anh và chị H lại to tiếng xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị gia đình cũng không hòa giải. Nay anh H xác định anh vẫn còn yêu thương chị H và bản thân là người theo đạo thiên chúa, việc ly hôn là lỗi đạo nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Đức H có nơi cư trú số 87/3 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị H, anh H tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống vợ chồng đã gặp khó khăn, anh H chưa có công việc ổn định, thường hay có thái độ nghi ngờ chị H không chung thủy, dẫn đến giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Từ khoảng cuối năm 2017, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã bỏ nhà đi nơi khác sống, anh H có gọi điện liên lạc vài lần nhưng anh chị không thể nói chuyện để hàn gắn tình cảm để vợ chồng về chung sống mà tiếp tục sống ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày việc chị H có quan hệ tình cảm với người khác là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng

anh. Tuy nhiên, anh cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác như đã trình bày. Quá trình sống ly thân giữa anh chị cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại Tòa án, ý kiến của anh H không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị H, anh là người có đạo nên mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng cho anh chị nhưng anh H đều vắng mặt thể hiện thái độ bỏ mặc, không còn quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh của về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh H tại nơi cư trú nhưng chính quyền địa phương cũng không nắm được, chỉ xác định từ năm 2017 đến nay thì chị H, anh H không còn chung sống do chị H bỏ đi khỏi địa phương.

Nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của chị H và anh H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt, anh chị không có điều kiện để về chung sống, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H anh H xác định chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự đều thống nhất xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện ly hôn được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007713 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THA dân sự H.Thống Nhất;
- Ủy ban nhân dân xã G,
huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đào Thị Kiều Vân